

TÓM TẮT TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG, THỦY VĂN VÀ HẢI VĂN THÁNG II NĂM 1996

Ngày 18, đợt không khí lạnh có cường độ rất mạnh đã tràn qua Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, thời tiết ở khu vực này đột ngột chuyển rét và kéo dài cho đến cuối tháng; các tỉnh thuộc đồng bằng, trung du Bắc Bộ và Thanh Hóa đến Quảng Bình đã liên tục có rét đậm, rét hại gây khó khăn cho sản xuất nông nghiệp.

Trên phạm vi cả nước, mực nước các sông đang xuống dần và ở mức thấp hơn TBNN (trung bình nhiều năm).

I- TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG

1. Hiện tượng thời tiết đặc biệt

a) Không khí lạnh

Có 2 đợt không khí lạnh ảnh hưởng trực tiếp đến Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ vào các ngày 10, 18. Đợt không khí lạnh ngày 18 có cường độ rất mạnh, nhiệt độ sau 24 giờ giảm từ 13 đến 17°C. Gió đông bắc trên đất liền mạnh cấp 3-cấp 4, ngoài khơi cấp 6-cấp 7. Sau đợt không khí lạnh này còn có không khí lạnh tăng cường, thời tiết chuyển rét đột ngột và kéo dài; ở đồng bằng, trung du Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ có rét đậm, rét hại; một số nơi thuộc vùng núi cao có mưa tuyết từ ngày 18 đến 21.

b) Nắng nóng

Một số nơi thuộc tỉnh Nghệ An đã xuất hiện một số ngày nắng nóng vào nửa đầu tháng. Nhiệt độ cao nhất đạt tới 36-37°C.

c) Mưa đá

Một số nơi thuộc Tây Nguyên đã xuất hiện mưa đá, chẳng hạn, tại Kon Tum xảy ra vào ngày 15.

2. Tình hình nhiệt độ

Hầu hết các nơi trên phạm vi cả nước có nền nhiệt độ thấp hơn TBNN; đặc biệt nhiều nơi thuộc Bắc Bộ và Trung Bộ thấp hơn TBNN từ 1,0 đến 2,4°C.

Nơi có nhiệt độ thấp nhất là Sa Pa (Lào Cai) : -0,5°C xảy ra ngày 22.

Nơi có nhiệt độ cao nhất là Cửa Rào (Nghệ An) : 37,0°C xảy ra ngày 15.

Có 2 đợt không khí lạnh ảnh hưởng trực tiếp đến Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ vào các ngày 10, 18. Đợt không khí lạnh ngày 18 có cường độ rất mạnh, nhiệt độ sau 24 giờ giảm từ 13 đến 17°C. Gió đông bắc trên đất liền mạnh cấp 3-cấp 4, ngoài khơi cấp 6-cấp 7. Sau đợt không khí lạnh này còn có không khí lạnh tăng cường, thời tiết chuyển rét đột ngột và kéo dài; ở

Đặc trưng một số yếu tố khí tượng

Số Thứ tự	TÊN TRẠM	NHIỆT ĐỘ(°C)								ĐỘ ẨM (%)		
		Trung bình	Chuẩn sai	Cao nhất			Thấp nhất			Trung bình	Thấp nhất	Ngày
				Trung bình	Tuyệt đối	Ngày	Trung bình	Tuyệt đối	Ngày			
1	Lai Châu	17,1	-1,7	24,1	34,0	2	12,5	7,3	22	72	35	15
2	Điện Biên	15,8	-1,8	22,6	31,9	17	11,5	7,9	21	79	41	15
3	Sơn La	14,1	-2,4	19,7	32,0	17	9,6	4,4	21	74	21	14
4	Sa Pa	7,9	-2,0	11,2	25,3	16	5,8	-0,5	22	87	15	16
5	Lao Cai	15,8	-1,0	19,9	31,9	15	13,3	8,2	22	80	42	14
6	Yên Bái	15,8	-0,7	20,2	29,8	14	13,0	6,6	21	83	50	6
7	Hà Giang	15,5	-1,1	19,5	29,7	17	12,9	8,1	22	81	51	7
8	Tuyên Quang	16,9	0,0	21,6	31,4	14	14,1	7,1	21	77	56	10
9	Lạng Sơn	13,1	-1,2	18,8	30,7	15	9,2	2,6	21	72	36	1
10	Cao Bằng	14,2	-0,7	20,2	32,8	15	10,3	4,6	21	72	38	20
11	Thái Nguyên	16,2	-0,7	20,7	29,1	14	13,4	5,6	21	72	38	2
12	Bắc Giang	16,2	-0,9	20,5	28,9	14	13,3	5,0	21	75	40	2
13	Phú Thọ	15,9	-1,0	19,9	29,2	14	13,1	6,3	21	80	46	3
14	Hòa Bình	16,2	-1,2	20,1	31,2	14	13,6	7,0	21	83	52	2
15	Hà Nội (Láng)	16,4	-0,6	20,3	29,1	15	14,1	6,0	21	73	40	1
16	Tiên Yên	14,6	-1,2	19,8	28,3	15	11,3	5,2	21	82	38	3
17	Hòn Gai	15,4	-0,9	19,4	26,7	15	13,1	5,3	21	77	43	3
18	Phù Lãng	15,7	-1,0	19,0	27,8	15	13,1	5,1	21	80	45	2
19	Thái Bình	15,6	-1,2	18,8	26,5	14	13,4	5,5	21	84	48	2
20	Nam Định	15,7	-1,6	18,6	28,1	15	13,6	5,4	21	83	48	1
21	Thanh Hóa	15,7	-1,6	18,1	24,8	13	13,9	6,6	21	85	49	1
22	Vinh	15,6	-2,3	18,6	28,0	14	13,9	7,1	21	90	66	6
23	Đồng Hới	16,7	-2,6	19,0	25,8	15	15,1	9,8	21	89	68	8
24	Huế	18,6	-2,3	21,8	33,5	15	16,6	12,3	22	92	43	14
25	Đà Nẵng	20,6	-1,8	23,9	29,8	15	18,8	16,4	8	84	64	29
26	Quảng Ngãi	21,0	-1,6	24,7	29,4	15	18,8	16,0	12	87	58	11
27	Quy Nhơn	22,8	-1,0	26,2	32,1	17	20,9	18,8	13	80	58	21
28	Plây Cù	20,6	-0,1	27,5	32,2	17	15,1	12,6	12	74	37	24
29	Buôn Ma Thuột	20,4	-2,3	28,3	34,4	16	17,9	16,0	12	75	18	1
30	Đà Lạt	16,0	-1,4	22,3	26,4	16	11,8	8,8	25	79	29	29
31	Nha Trang	23,5	-1,0	26,0	29,9	17	21,2	18,8	12	80	59	7
32	Phan Thiết	25,3	+0,1	29,5	31,8	1	22,7	20,4	11	72	49	10
33	Vũng Tàu	25,4	-0,9	28,8	30,6	19	23,2	21,0	3	75	52	10
34	Tây Ninh	26,2	-0,7	32,8	34,7	20	21,4	19,1	7	70	39	20
35	T.P Hồ Chí Minh	26,6	-0,1	32,8	36,1	19	22,7	20,5	3	68	38	20
36	Tiên Giang	25,1	-1,1	30,1	31,5	15	22,0	19,7	3	81	52	22
37	Cần Thơ	25,5	-0,6	29,9	31,6	15	22,1	21,3	10	81	54	18
38	Sóc Trăng	25,5	-0,4	30,6	32,4	17	22,3	20,5	11	76	43	8
39	Rạch Giá	25,7	-1,3	29,6	32,3	17	22,6	20,3	3	80	54	25
40	Cà Mau	25,6	-0,2	30,7	32,7	16	22,6	21,4	7	77	46	21

CHÚ THÍCH: Ghi theo công điện khí hậu hàng tháng

của các trạm tháng II năm 1996

LƯỢNG MƯA (mm)							LƯỢNG BỐC HƠI			GIỜ NẮNG		SỐ NGÀY				Số thứ tự
Tổng số	Chưa sai	Cao nhất	Ngày	Số ngày liên tục		Số ngày có mưa	Tổng số	Cao nhất	Ngày	Tổng số	Chưa sai	Gió tây khô nóng		Đông	Mưa phùn	
				Có mưa dài nhất	Không mưa dài nhất							Nhẹ	manh			
22	-19	8	3	2	12	6	87	6	19	110	-31	0	0	0	0	1
23	-10	10	21	2	15	5	79	5	14	138	-17	0	0	0	0	2
21	-5	10	21	3	15	5	189	9	16	116	-22	0	0	0	0	3
64	-15	20	21	11	12	16	55	14	15	78	-34	0	0	0	15	4
16	-20	8	5	3	8	9	63	5	17	53	-24	0	0	0	0	5
17	-33	10	21	4	7	11	52	3	17	64	+22	0	0	0	5	6
10	-34	5	21	5	8	11	51	4	18	56	-2	0	0	0	2	7
7	-25	4	21	2	22	5	34	5	10	X	X	0	0	0	X	8
16	-25	10	21	4	17	7	104	6	2	104	+47	0	0	0	1	8
9	-18	3	21	2	12	6	96	6	14	103	+50	0	0	0	0	10
17	-18	10	18	2	9	6	88	5	10	85	+37	0	0	0	1	11
13	-15	7	21	4	17	5	94	6	10	96	+50	0	0	0	1	12
20	-20	11	25	4	17	10	62	5	17	75	+27	0	0	0	0	13
16	-5	10	21	4	13	9	56	3	14	90	+27	0	0	0	0	14
9	-17	9	21	2	17	6	70	5	10	77	+32	0	0	0	0	15
24	-12	9	18	5	21	8	68	4	3	90	X	0	0	0	0	16
21	-7	10	18	6	16	10	60	5	3	93	+46	0	0	0	3	17
28	-6	15	18	5	16	8	53	4	2	86	+42	0	0	0	0	18
26	-5	10	18	5	16	9	59	4	10	89	+54	0	0	0	0	19
41	+6	30	18	8	16	10	51	3	11	72	+33	0	0	0	6	20
27	-4	13	18	7	14	12	57	4	1	72	+24	0	0	0	1	21
63	-19	20	19	5	12	13	30	2	12	143	+95	0	0	0	1	22
104	+61	23	20	5	5	19	48	3	10	49	-21	0	0	0	2	23
137	+74	20	1	10	7	20	28	3	14	58	-20	0	0	0	1	24
46	+13	10	2	3	9	11	60	3	21	89	-53	0	0	0	0	25
108	+56	60	1	6	8	11	51	3	23	107	-48	0	0	0	0	26
44	+12	30	1	5	8	8	91	6	21	131	-76	0	0	0	0	27
01	-7	01	15	1	14	1	111	5	29	267	+7	0	0	0	0	28
4	-2	4	26	1	14	1	172	8	29	194	-52	0	0	1	0	29
1	-22	1	1	1	28	1	112	7	29	234	-16	0	0	2	0	30
7	-10	5	1	2	25	3	153	10	10	172	-30	0	0	0	0	31
-	-1	-	-	0	29	0	150	7	1	258	-21	0	0	0	0	32
-	-1	-	-	0	29	0	118	6	19	294	+33	0	0	X	0	33
32	+27	30	21	1	18	2	138	7	11	230	-30	0	0	1	0	34
02	-4	02	27	1	26	1	124	7	20	191	-55	3	0	1	0	35
-	-2	-	-	0	29	0	85	5	18	233	-40	0	0	0	0	36
01	-2	01	1	1	28	1	84	4	22	207	-41	0	0	0	0	37
01	-2	01	1	1	28	1	110	8	20	218	-39	0	0	0	0	38
-	-7	-	-	0	29	0	89	4	19	240	+18	0	0	0	0	39
16	+18	16	5	1	24	1	113	7	22	200	-35	0	0	0	0	40

đồng bằng, trung du Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ có rét đậm, rét hại; một số nơi thuộc vùng núi cao có mưa tuyết từ ngày 18 đến 21.

3. Tình hình mưa

Hầu hết các nơi từ Quảng Bình đến Bình Định có lượng mưa tháng cao hơn TBNN, còn các nơi khác thấp hơn TBNN.

Nơi có lượng mưa tháng cao nhất là Kỳ Anh (Hà Tĩnh) : 158mm.

Nơi có lượng mưa ngày lớn nhất là Quảng Ngãi : 60mm/ngày 1.

Nhiều nơi thuộc Nam Bộ cả tháng không mưa.

4. Tình hình nắng

Hầu hết các nơi thuộc Bắc Bộ và hai tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An có số giờ nắng cao hơn TBNN; còn các nơi khác thấp hơn.

Nơi có số giờ nắng cao nhất là Vũng Tàu (Bà Rịa-Vũng Tàu) : 294 giờ.(+ 33giờ).

Nơi có số giờ nắng thấp nhất là Khe Sanh (Quảng Trị) : 20 giờ.

Ảnh hưởng của thời tiết đến mùa màng

Ở Miền Bắc, nửa đầu tháng thời tiết ẩm thuận lợi cho mạ và lúa đã cấy; thời tiết rét đậm và rét hại nửa cuối tháng gây nhiều khó khăn cho sản xuất nông nghiệp, lúa và mạ không phát triển, có một số diện tích mạ và lúa đã chết rét. Ngoài ra, ở khu vực này, tình hình ít mưa từ đầu năm đến nay đã bắt đầu ảnh hưởng không tốt đối với lúa và nhiều loại cây trồng. Nếu đầu tháng III có mưa thì thời tiết sẽ chuyển sang thuận lợi.

II- TÌNH HÌNH THỦY VĂN

1. Ở Bắc Bộ

Trên hệ thống sông Hồng, mực nước các sông ở xu thế xuống và thấp hơn mức TBNN một ít.

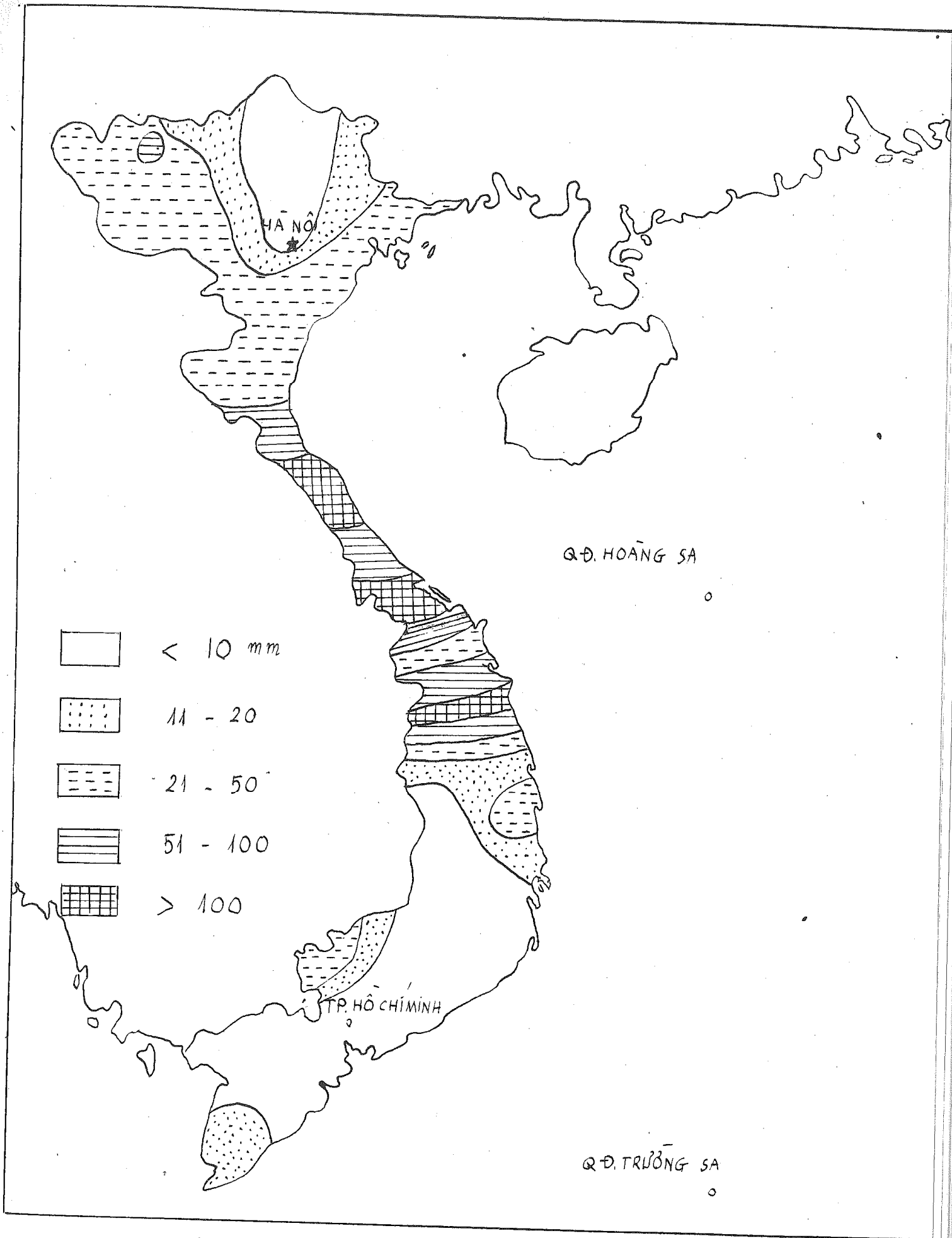
- Trên sông Thao tại trạm thủy văn Yên Bái, mực nước cao nhất : 25,93m (19h ngày 7).

- Trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang, mực nước cao nhất : 16,12m (7h ngày 1).

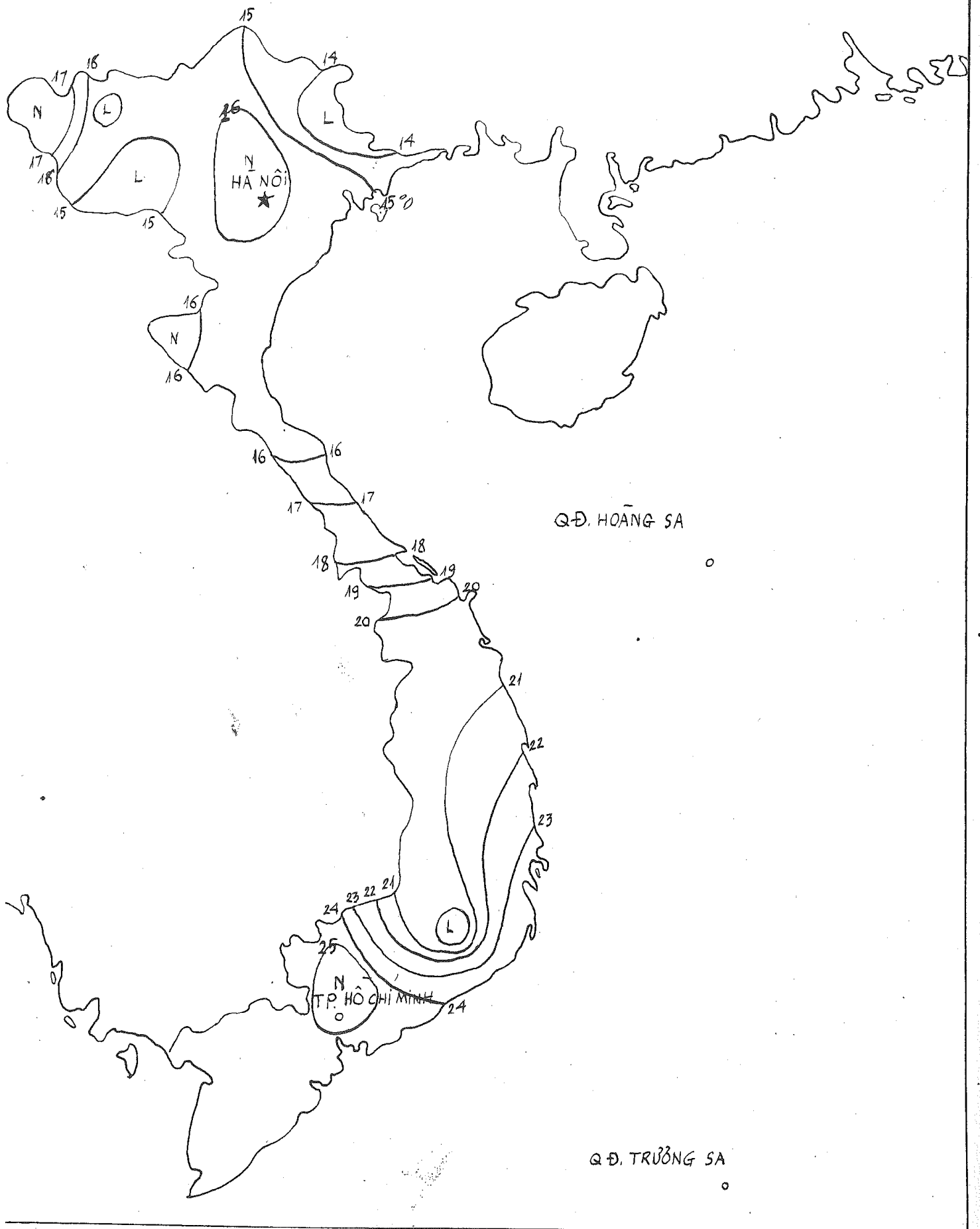
- Trên sông Đà tại hồ Hòa Bình, mực nước hồ ngày đầu tháng : 114,17m (12 ngày 1); ngày cuối tháng : 111,83m (12h ngày 29). Dòng chảy đến hồ với lưu lượng lớn nhất: 565m³/s (ngày 25), lưu lượng nhỏ nhất : 430m³/s (ngày 20), lưu lượng trung bình : 455m³/s, nhỏ hơn TBNN 7%.

Tại trạm thủy văn Bến Ngọc (hạ lưu hồ), mực nước trung bình tháng : 12,24m, thấp hơn cùng kỳ năm 1995 là 87cm.

- Trên sông Hồng tại trạm thủy văn Hà Nội, mực nước cao nhất : 2,89m (19h ngày 2), mực nước thấp nhất : 2,40m (7h ngày 23), mực nước trung bình : 2,68m, thấp hơn mức TBNN : 24cm. Nếu kể từ khi mực nước hạ lưu sông Hồng chịu ảnh hưởng điều tiết của hồ Thác Bà từ năm 1971 và



Hình 1. Bản đồ lượng mưa tháng II năm 1996.



Hình 2. Bản đồ nhiệt độ trung bình tháng II năm 1996.

hồ Hòa Bình từ năm 1985 đến nay thì mực nước sông Hồng tại Hà Nội tháng II năm nay ở mức thấp thứ 2 sau năm 1989.

- Trên sông Thái Bình tại trạm Phả Lại, mực nước chịu ảnh hưởng thủy triều; mực nước đỉnh triều cao nhất : 1,12m (11h ngày 4), mực nước chân triều thấp nhất : 0,12m (17h ngày 25).

2. Ở Trung Bộ

Mực nước các sông ở mức thấp và xuống dần, mực nước các trạm vùng cửa sông chịu ảnh hưởng của thủy triều.

3. Ở Nam Bộ

Mực nước sông Tiền, sông Hậu ở xu thế xuống và thấp hơn mức TBNN. Mỗi ngày mực nước sông Tiền, sông Hậu xuống trung bình khoảng 1,6-1,7cm, ngày cuối tháng mực nước sông Tiền tại Tân Châu: 1,05m (3h ngày 28), sông Hậu tại Châu Đốc 0,94m (2h ngày 28).

III- TÌNH HÌNH HẢI VẤN

1. Gió và sóng

- *Vùng biển phía bắc* : Hướng gió chủ yếu là đông bắc và bắc. Ven bờ tốc gió trung bình 5-7m/s (cấp 3-cấp 4). Ngoài khơi gió mạnh nhất 22-24m/s (cấp 9). Hướng sóng chủ yếu là đông bắc. Ven bờ độ cao sóng trung bình 0,50 - 0,75m (cấp II-cấp III). Ngoài khơi sóng cao nhất 5,0-6,0m (cấp VI-cấp VII).

- *Vùng biển phía nam* : Hướng gió chủ yếu là đông bắc. Ven bờ tốc độ gió trung bình 4-6m/s (cấp 3-cấp 4) . Ngoài khơi Vũng Tàu, Côn Đảo, Trường Sa gió mạnh nhất 23-25m/s (cấp 9-cấp 10). Hướng sóng chủ yếu là đông bắc. Ven bờ độ cao sóng trung bình 0,75-1,00m (cấp III) . Ngoài khơi Vũng Tàu, Côn Đảo, Trường Sa sóng cao nhất 4,00-5,00m (cấp VI).

2. Nhiệt độ nước biển

- *Vùng biển phía bắc*: Nhiệt độ nước biển tầng mặt trung bình 17-19°C, cao nhất 23-25°C, thấp nhất 14-16°C.

- *Vùng biển phía nam*: Nhiệt độ nước biển tầng mặt trung bình 25-27°C, cao nhất 29-31°C, thấp nhất 22-24°C.

3. Độ mặn nước biển

- *Vùng biển phía bắc*: Độ mặn nước biển tầng mặt trung bình 27-29‰, cao nhất 30-32‰, thấp nhất 24-26‰.

- *Vùng biển phía nam*: Độ mặn nước biển tầng mặt trung bình 28-30‰, cao nhất 32-34‰, thấp nhất 25-27‰.

Trung tâm quốc gia dự báo KTTV
và Trung tâm KTTV biển biên soạn